



Tuần 49 (29/11-2/12/21)

BSC WEEKLY REVIEW

***Thận trọng ngắn hạn, lưu ý
nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng
của COVID-19***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Thận trọng ngắn hạn, lưu ý nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng của COVID-19*
2. PTKT VN-INDEX: *Tích lũy trên 1480, chờ cơ hội vượt 1500 điểm*
3. TIN VĨ MÔ: *PBOC báo hiệu khả năng nới lỏng tiền tệ*
4. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *4/5 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Ngân hàng 6.73%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Các ETF giao dịch trái chiều*
7. PTKT CỔ PHIẾU: *TLH, LCG, PPP, LIG*
8. Phụ lục ETF: *ETF VNM, ETF FTSE*
9. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Thận trọng ngắn hạn, lưu ý nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng của COVID-19

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1493.03	2.80%
GTGD/phiên (tỷ VND)	30,704.39	-6.77%
Khối ngoại (tỷ VND)	-3300.31	
HNX-INDEX	458.63	3.15%
GTGD/phiên (tỷ VND)	3713.14	-26.32%
Khối ngoại (tỷ VND)	-56.89	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4594.62	-2.27%	-2.34%	-0.04%
EU (EURO STOXX)	4089.58	-4.74%	-6.13%	-3.79%
China (SHCOMP)	3564.09	-0.56%	-0.56%	0.47%
Japan (NIKKEI)	28751.62	-2.53%	-2.86%	-1.19%
Korea (KOSPI)	2936.44	-1.47%	-2.55%	-1.15%
Singapore (STI)	3166.27	-1.72%	-2.04%	-1.17%
Thailand (SET)	1610.61	-2.30%	-2.09%	-0.79%
Phillippines (PCOMP)	7278.44	-1.23%	-0.03%	1.69%
Malaysia (KLCI)	1512.22	-0.35%	-0.87%	-3.49%
Indonesia (JCI)	6561.55	-2.06%	-2.36%	-0.45%
Vietnam (VNIndex)	1493.03	-0.52%	2.80%	3.38%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2112	1556.70	-0.63%	21,005	30,775
VN30F2201	1553.00	-0.86%	52	241
VN30F2203	1554.20	-0.79%	14	180
VN30F2206	1550.00	-1.06%	12	154

TTCK VIỆT NAM

Canh mua ở những nhịp điều chỉnh, lưu ý nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng của COVID-19.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng là động lực chính giúp thị trường tăng tốc thoát khỏi vùng tích lũy kéo dài hơn 2 tuần từ 1,460 – 1,480 điểm và tiến đến vùng tâm lý 1,500 điểm. Áp lực chốt lãi ngắn hạn khiến chỉ số không đi xa khỏi vùng tâm lý này tuy vậy diễn biến thị trường đang cho thấy dòng tiền và tâm lý thị trường vẫn rất tích cực hỗ trợ VN-Index tăng lên các vùng điểm cao mới. VN-Index tăng 2.8% trong khi chỉ có 10/19 tăng điểm và có đến 237 giảm điểm so với 160 cổ phiếu tăng điểm. Điều này cho thấy xu hướng dịch chuyển vào các cổ phiếu lớn và chốt lãi tại các cổ phiếu đã tăng nóng. Đặc biệt hơn, chủng COVID-19 mới Omicron đang gây xáo động khá mạnh trên thị trường không chỉ bởi tốc độ lây lan nhanh đột biến mà đã lây lan sang cả Châu Phi và Châu Âu (Anh, Ý). Thông tin này không chỉ khiến các nhóm ngành như Dầu khí và Hàng không giảm mạnh vào phiên cuối tuần mà còn là tín hiệu tích cực cho 1 số ngành ít chịu ảnh hưởng của COVID-19 như Công nghệ thông tin, Dược phẩm và y tế, Ngân hàng, Nguyên vật liệu và Viễn thông đã được đề cập trong các báo cáo COVID-19 của BSC. (Chi tiết xin xem báo cáo ở đường link dưới)

2 quỹ ETF FTSE và VNM sẽ thực hiện review danh mục quý IV năm 2021 trong 1-2 tuần tới. Theo dữ liệu tạm tính ngày 19/1, chúng tôi dự báo: (1) Quỹ FTSE sẽ thêm 6 cổ phiếu mới gồm DIG, VND, DGC, NLG, DPM và DXG và không loại cổ phiếu nào dù vẫn lưu ý trường hợp cổ phiếu APH bị loại nếu giảm dưới ngưỡng 0.5% danh mục tại thời điểm chốt dữ liệu; (2) Quỹ VNM thêm mới VCG và không loại cổ phiếu nào. Quỹ cũng dự kiến tăng tỷ trọng cổ phiếu Việt nam từ 73.73% lên mức 75% kỳ này. Chi tiết xem tại phần phụ lục ETF (trang 12).

[Link](#)

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường biến động mạnh mạnh trước tin biến chủng nCoV mới.

TTCK thế giới đi ngang tuy nhiên có phiên biến động tiêu cực trong phiên cuối tuần khi đón nhận thông tin biến chủng nCoV mới. Nếu như trong tuần thị trường chứng kiến giá hàng hóa giảm và USD tăng giá thì phiên cuối tuần thị trường đã có biến động đảo chiều. Giá dầu trước đó hồi phục cho dù Hoa Kỳ và một số nước công bố mở kho dầu dự trữ thì hợp đồng dầu đã sụt gần 6% trong khi giá vàng bật tăng 1.1% trong phiên mở cửa cuối tuần. Sau nhiều tuần không có biến động rõ rệt thị trường tài chính và thị trường hàng hóa nhiều khả năng sẽ có biến động mạnh hơn trong phiên cuối tuần và vào tuần sau.

Biên bản FOMC tháng 11, FED phát tín hiệu có thể rút lại toàn bộ hỗ trợ tiền tệ đã cung cấp trong đại dịch Covid-19. FED giảm mua tài sản 15 tỷ USD/tháng và có thể kết thúc đầu hè 2020. Một số thành viên FED đề xuất gia tăng tốc độ chương trình này trước áp lực lạm phát. Các thành viên FED cũng dự báo chỉ nâng lãi suất 1 lần trong năm 2022. Ở chiều ngược lại, PBoC lại báo hiệu khả năng nới lỏng tiền tệ khi áp lực suy giảm kinh tế ngày càng tăng. Xu hướng thu hẹp chính sách nới lỏng tiền tệ vẫn đang chiếm ưu thế và chỉ có một số ít quốc gia có dấu hiệu đi ngược trước nguy cơ lạm phát đình đốn.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: Tích lũy trên 1480, chờ cơ hội vượt 1500 điểm

Đồ thị ngày: VN-Index bất ngờ tăng mạnh vượt 1,500 điểm sau khi có 2 phiên giảm dưới vùng tích lũy 1,460 – 1,480 điểm nhờ sự tăng điểm từ các cổ phiếu lớn và nhóm Ngân hàng. Dải bollinger band mở và hướng lên trên trong khi VN-Index thoát khỏi dải bên trên và RSI quay lại vùng mua quá cho thấy thị trường đang lấy lại đà tăng điểm. Phiên giao dịch cuối tuần chỉ số giảm trở lại bollinger band khi áp lực chốt lãi tại vùng trên 1,500 điểm khá mạnh. Các tín hiệu kỹ thuật vẫn đang khá tích cực và chưa thay đổi với phiên điều chỉnh cuối tuần.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI tăng từ 57 lên 66.
- MACD thu hẹp khoảng cách với đường tín hiệu
- VN-Index giữ trên các đường trung bình động.

Nhận định: Thị trường giảm dưới ngưỡng tâm lý 1,500 điểm trước áp lực chốt lãi trên diện rộng. Diễn biến này có thể chưa hoàn toàn phản ánh thông tin chủng virus nCoV mới. VN-Index do vậy còn có thể biến động mạnh hơn nếu diễn biến thị trường thế giới tiêu cực trong phiên cuối tuần. Dù vậy, vận động chỉ số vẫn đang tích cực nhờ dòng tiền dồi dào và vận động luân chuyển tại các dòng cổ phiếu lớn. VN-Index dự báo sẽ tiếp tục tăng điểm sau những nhịp rung ngắn hạn hướng tới 1,560 điểm.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *PBOC* báo hiệu khả năng nới lỏng tiền tệ

VIỆT NAM:

- Thủ tướng Phạm Minh Chính đề nghị Chính phủ Nhật Bản cung cấp cho Việt Nam các khoản ODA thể hệ mới với cách làm và biện pháp mới, cùng ưu đãi tối đa và đủ lớn. Doanh nghiệp Nhật Bản đánh giá cao môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam ngày càng được cải thiện và thông báo kế hoạch mở rộng hoạt động trong thời gian tới.
- Theo báo cáo mới đây do World Bank và Tổ chức hợp tác quốc tế về người di cư KNOMAD công bố, dự báo kiều hối về Việt Nam tăng mạnh, đạt mức 18,1 tỷ USD năm 2021, đứng thứ 8 thế giới. Theo đó, lượng kiều hối tăng trưởng tích cực bất chấp Covid-19 hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế Việt Nam, nhất là giúp ổn định nguồn cung ngoại tệ.
- Sở Giao thông Vận tải TP HCM đã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chương trình đăng ký giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho 59 dự án giao thông, có tổng số vốn hơn 225.000 tỷ đồng.
- Vốn FDI Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam đạt 3,38 tỷ USD sau 10 tháng, trong đó, số dự án cấp mới là 150, gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước. Quy mô bình quân mỗi dự án của doanh nghiệp Nhật Bản là 13,4 triệu USD, cao hơn mức 11,7 triệu USD bình quân chung của cả nước.
- Cục Đường sắt đề xuất Bộ Giao thông Vận tải danh mục các dự án đường sắt mới kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đầu tư các dự án hơn 125.000 tỷ đồng.
- Thủ tướng lập 6 Tổ công tác đơn đốc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Việc thành lập 6 tổ công tác nhằm đơn đốc, tháo gỡ vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm nay tại những địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 60%, tính đến ngày 31/10.

THẾ GIỚI:

- Dự luật chi tiêu của đảng Dân chủ tại Hạ viện Mỹ đã được thông qua và được gửi tới Thượng viện kêu gọi khoản đầu tư lớn nhất từ trước đến nay để chống lại biến đổi khí hậu: 555 tỷ USD vào năng lượng sạch, xe điện và khả năng chống lại sự nóng lên toàn cầu.
- Jerome Powell được tái bổ nhiệm chức Chủ tịch Fed nhiệm kỳ thứ hai, chính sách nới lỏng tiền tệ tiếp tục được duy trì. Trong biên bản họp FOMC, hội đồng FED đồng ý cân nhắc gia tăng tốc độ thu hẹp chương trình cắt giảm trái phiếu nếu lạm phát tiếp tục gia tăng.
- Hoa Kỳ tuyên bố giải phóng kho dự trữ khẩn cấp trong nỗ lực hạ nhiệt giá xăng và kiềm chế lạm phát gia tăng. Nhiều quốc gia tiêu thụ dầu hàng đầu thế giới bao gồm Anh, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng sẽ sớm đưa ra thông báo mở kho dự trữ dầu từ giữa đến cuối tháng 12. Theo RBC Capital Markets, 6 quốc gia này sẽ cung cấp từ 65-70 triệu thùng dầu lên thị trường thế giới.
- Trong vòng vài tháng qua, số lượng người lao động Mỹ bỏ việc đang tăng lên ở mức báo động - hơn 4,4 triệu người chỉ tính trong tháng 9. Xu hướng này được mô tả là "Đại Nghỉ việc" và bức tranh toàn cảnh còn phức tạp hơn.
- PBOC báo hiệu khả năng nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ đà hồi phục của nền kinh tế. Ủy ban chính sách tiền tệ cho biết rằng nền kinh tế có thể bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm lại nhưng lạm phát tăng mạnh.
- Ngân hàng TW Hàn Quốc đã tăng lãi suất mua lại kỳ hạn 7 ngày thêm 0,25% lên 1% vào thứ Năm. Hàn Quốc tăng lãi suất lần thứ hai trong ba tháng, cho thấy sự tin tưởng vào phục hồi kinh tế toàn cầu, đồng thời ưu tiên các động thái nhằm kiềm chế lạm phát đang gia tăng và nợ hộ gia đình tăng cao.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 11.
- WHO họp khẩn, nhiều nước cảnh báo về biến chủng nCoV mới được ghi nhận tại Nam Phi.
- Ngày 29/11, Doanh số bán lẻ Nhật và Chủ tịch BOJ phát biểu; CPI và doanh số bán lẻ Đức. 30/11, Chỉ số PMI Trung Quốc; GDP Pháp; GDP Canada; Chỉ số PMI và niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 01/12, GDP Australia; Chỉ số PMI và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 02/12, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Hoa Kỳ; Cuộc họp thành các thành viên OPEC. 03/12, Tỷ lệ thất nghiệp, chỉ số PMI dịch vụ của Hoa Kỳ và Canada.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

TLH

21.8

Upside 20.18%

CTCP Tập đoàn Thép
Tiến Lên

Xu hướng hiện tại

Tích lũy

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu 26.2

Giá cắt lỗ 20.5

Kháng cự 23.5

Hỗ trợ 20.5

MACD ↑

RSI ↑

Moving Average ↓

Thanh khoản ↑



Nguồn: BSC Research

LCG

20.05

Upside 12.22%

CTCP LICOGI 16

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu 22.5

Giá cắt lỗ 18.7

Kháng cự 21.7

Hỗ trợ 18.7

MACD ↑

RSI ↑

Moving Average ↑

Thanh khoản ↑



Nguồn: BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Nguồn: BSC Research

Nguồn: BSC Research



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/11/21	SRA	10.8	12.5	9.8	11.7	16	8.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/21	VSC	41.25	48	40.1	45.3	18	9.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/11/21	FMC	52.9	61.6	48	53.4	19	0.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/10/21	MST	19	23.2	17.5	18.4	26	-3.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/10/21	PVB	16.1	19.5	15	16.4	54	1.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/11/21	SRA	10.8	12.5	9.8	11.7	16	8.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/21	VSC	41.25	48	40.1	45.3	18	9.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/11/21	FMC	52.9	61.6	48	53.4	19	0.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/10/21	MST	19	23.2	17.5	18.4	26	-3.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/10/21	PVB	16.1	19.5	15	16.4	54	1.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/11/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
31/10/21	DHG	103.8	116	100.8	SL	26	-2.89%
24/10/21	GEX	24.55	27.8	23.8	TP	7	13.24%
24/10/21	TDT	15	17	14	TP	7	13.33%
3/10/21	OIL	14.4	17.4	13.25	TP	42	20.83%
26/9/21	PPC	23.55	26.3	23.4	SL	49	-0.64%
26/9/21	HPX	32.5	36	30.2	SL	5	-7.08%
19/9/21	VCS	121	131.5	117.3	TP	15	8.68%
19/9/21	NDN	21.4	24	20.9	SL	5	-2.34%
12/9/21	VSC	68.2	79.5	61.3	SL	16	-10.12%
12/9/21	EVG	11	13.5	10	TP	22	22.73%
5/9/21	VOS	15.8	20	14	TP	5	26.58%
5/9/21	DVP	59.2	68.5	55.8	SL	8	-5.74%
29/8/21	NT2	19.48	22.39	17.91	TP	39	14.94%
29/8/21	VTG	19.7	27.7	17.6	TP	68	40.61%
Chú thích:	Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ						

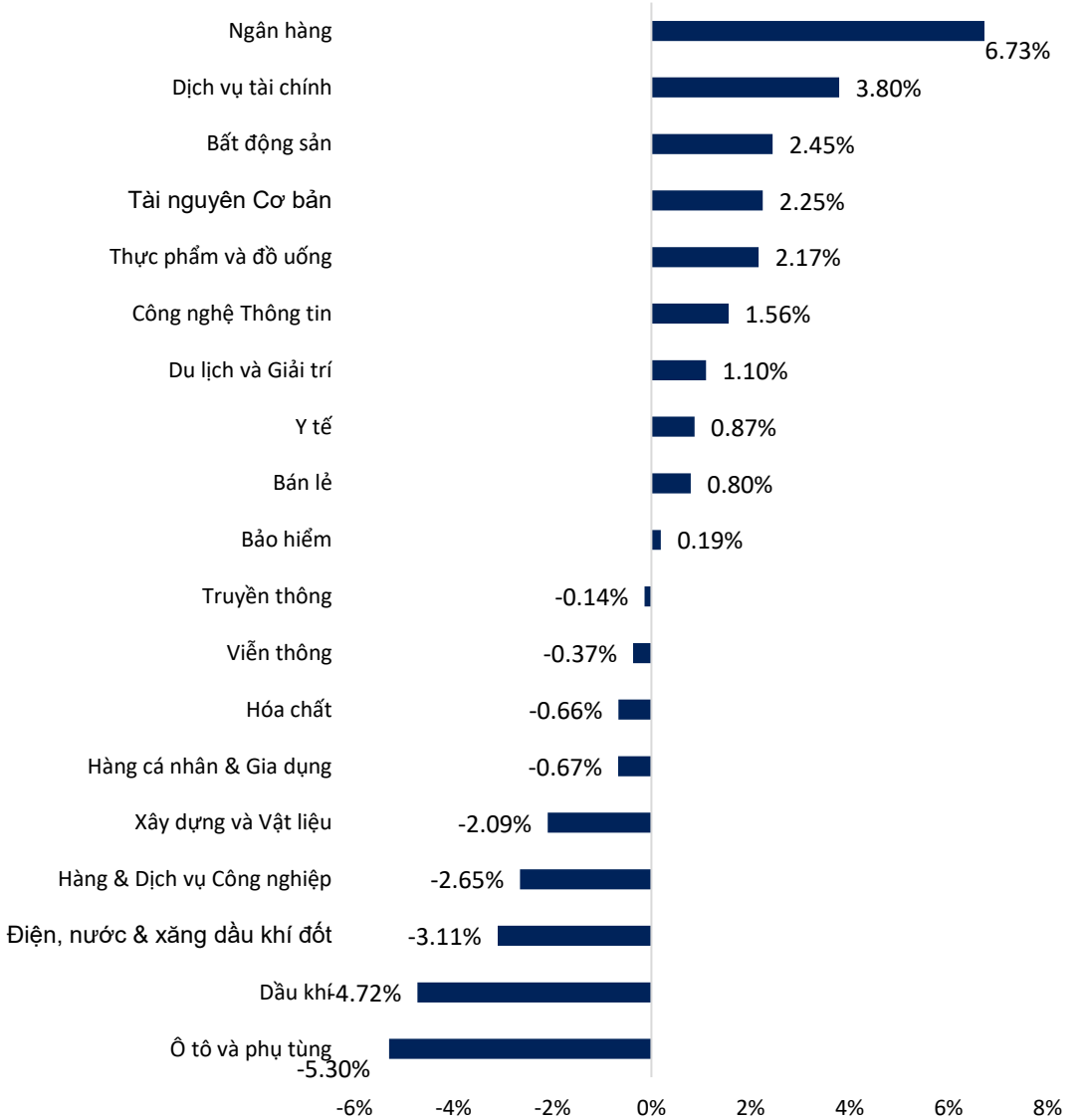
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/11/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
31/10/21	DHG	103.8	116	100.8	SL	26	-2.89%
24/10/21	GEX	24.55	27.8	23.8	TP	7	13.24%
24/10/21	TDT	15	17	14	TP	7	13.33%
3/10/21	OIL	14.4	17.4	13.25	TP	42	20.83%
26/9/21	PPC	23.55	26.3	23.4	SL	49	-0.64%
26/9/21	HPX	32.5	36	30.2	SL	5	-7.08%
19/9/21	VCS	121	131.5	117.3	TP	15	8.68%
19/9/21	NDN	21.4	24	20.9	SL	5	-2.34%
12/9/21	VSC	68.2	79.5	61.3	SL	16	-10.12%
12/9/21	EVG	11	13.5	10	TP	22	22.73%
5/9/21	VOS	15.8	20	14	TP	5	26.58%
5/9/21	DVP	59.2	68.5	55.8	SL	8	-5.74%
29/8/21	NT2	19.48	22.39	17.91	TP	39	14.94%
29/8/21	VTG	19.7	27.7	17.6	TP	68	40.61%
Chú thích:	Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ						

Thống kê	Số khuyến nghị lái	Số khuyến nghị lỗi	Hiệu suất KN lái	Hiệu suất KN lỗi	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	4	1	5.24%	-3.16%	3.56%	27
Đã chốt	137	96	15.66%	-8.18%	5.84%	30

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Ngân hàng	-1.00%	6.73%	12.57%	VCB	8.14%		
Dịch vụ tài chính	-1.83%	3.80%	31.87%	SSI	10.31%	HCM	4.51%
Bất động sản	1.05%	2.45%	8.78%	VHM	3.48%	KDH	0.98%
Tài nguyên Cơ bản	0.13%	2.25%	-10.71%	HPG	2.19%	HSG	6.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.39%	2.17%	6.62%	VNM	2.56%	MSN	6.85%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	68.15	-13.06%	-13.09%	-18.25%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	72.72	-11.55%	-7.82%	-13.29%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	202.94	-12.51%	-11.55%	-17.07%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,802.59	0.77%	-2.34%	0.32%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.16	-1.88%	-5.94%	-3.77%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,252.75	-1.09%	-0.99%	0.42%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	840.25	-1.18%	1.14%	9.80%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.32	-0.05%	6.82%	-4.28%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	243.50	-4.40%	8.03%	6.75%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.35	-2.91%	-4.11%	-1.58%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	242.95	-1.00%	6.02%	15.31%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,460.00	-3.48%	-1.93%	-0.92%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,184.00	-1.58%	-1.58%	-7.62%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,615.00	-3.77%	-2.41%	-2.64%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	CNY/MT	586.50	-4.87%	-4.87%	-16.21%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	160.05	-3.96%	11.73%	5.78%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	715.12	-0.81%	-0.81%	-11.22%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	0.08136	7.59029
VIC	0.03903	3.65
VPB	0.08287	3.45
NVL	0.08317	3.25
VHM	0.03478	3.16
MSN	0.06852	3.09
VIB	0.15385	2.41
MBB	0.07067	1.96
CTG	0.04573	1.87
TCB	0.0325	1.54585
Tổng		31.959

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
GAS	-0.03774	-1.98303
SAB	-0.04129	-1.1467
GEX	-0.09608	-0.99115
PLX	-0.04377	-0.87115
BCM	-0.05263	-0.80416
GVR	-0.01989	-0.77685
VGC	-0.09441	-0.5689
TCH	-0.08382	-0.34447
DGC	-0.04312	-0.32354
SAM	-0.1405	-0.30818
Tổng		-8.11812

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
CTG	265.27	25.08
STB	168.99	17.03
VCB	158.14	23.63
QNS	136.53	15.78
KBC	135.26	16.04
GMD	129.16	40.83
DGC	78.63	6.82
FUESSVFL	70.22	
DGW	67.20	26.88
BID	67.14	16.65
Tổng	1,276.54	

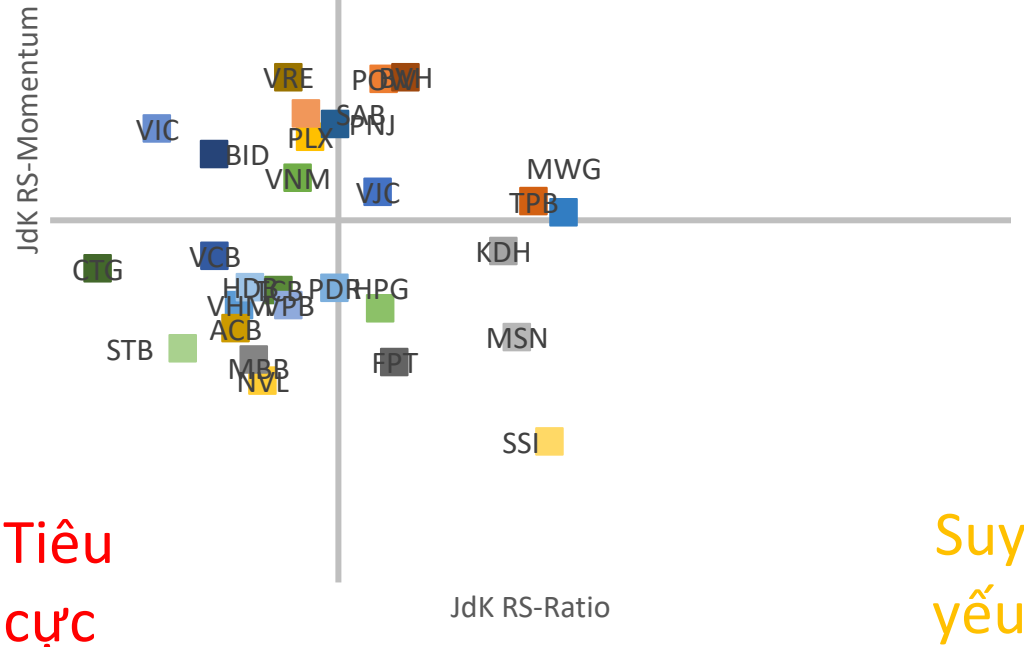
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VPB	-1476.70	15.25
HPG	-475.50	24.60
HCM	-385.01	46.06
SSI	-366.46	39.52
VIC	-221.49	13.60
VND	-189.25	17.98
VCI	-153.28	20.59
DXG	-149.21	29.10
NLG	-137.83	34.93
E1VFN3	-135.16	
Tổng	-3689.89	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
POW	102.37	103.90	10.65%
VJC	102.06	100.78	3.19%
BVH	103.51	103.94	15.54%
MWG	111.72	100.21	13.20%
TPB	110.17	100.52	24.67%
GAS	111.1516	104.0057	15.12%
PLX	98.54	102.30	12.92%
VNM	97.89	101.17	1.26%
PNJ	99.85	102.65	10.33%
VRE	97.42	103.94	8.96%
BID	93.55	101.82	16.09%
SAB	98.33	102.94	-0.80%
VIC	90.57	102.53	7.07%
KDH	108.59	99.15	17.94%
FPT	102.93	96.08	7.03%
MSN	109.30	96.77	20.60%
HPG	102.20	97.56	-0.30%
GVR	107.02	95.51	-0.41%
SSI	111.00	93.88	32.33%
VHM	94.85	97.65	2.64%
CTG	87.49	98.66	7.69%
PDR	99.81	98.12	19.01%
NVL	96.05	95.57	5.73%
MBB	95.61	96.15	8.60%
ACB	94.66	97.01	8.46%
VCB	93.57	99.01	7.03%
TCB	96.90	98.07	11.80%
HDB	95.42	98.15	24.40%
VPB	97.40	97.65	14.73%
STB	91.92	96.46	13.42%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,689.25	8,289.46	32,255.32
Giá trị bán	3,786.56	11,589.76	39,972.95
Mua / bán ròng	-2,097.31	-3,300.31	-7,717.66
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	436.11	2,624.17	8,876.98
Giá trị bán	423.24	2,496.47	11,437.56
Mua / bán ròng	12.87	127.70	-2,560.58
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
KDH	173.83	VND	-175.33
E1VFN30	157.92	MWG	-76.59
VIC	119.25	STB	-70.49
VPB	95.71	FPT	-69.83
MBB	95.56	GAS	-67.76
VHM	49.21	LPB	-58.57
FUEVFN30	37.89	VNM	-43.63
VGC	31.44	SSI	-28.46
PNJ	24.53	OCB	-22.79
HII	23.52	ACB	-21.10

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	586.16	20.82	0.00	-0.49%	0.00	0.00	1.00
FTSE	398.39	46.71	0.00	-1.19%	-1.43	-7.88	-69.80
iShare	518.28	0.00	0.00	0.00%	0.00	3.57	10.46
E1VFN30	499.07	1.17	-0.90	-0.95%	-6.5	7.3	27.8
FUEVFN30	627.81	1.28	-0.80	-1.39%	15.7	27.6	-48.9
FUBON FTSE	487.83	0.65	0.00	-0.89%	-3.8	-20.1	-56.2
FUESSVFL	151.28	1.00	0.00	-0.14%	3.2	12.8	20.1
FUESSVN30	4.82	0.86	0.00	-1.18%	0.1	-0.3	0.6
FUEMAVN30	30.58	0.79	0.00	0.15%	-0.2	-3.7	2.3
VN100	6.19	0.90	0.00	-0.48%	0.00	0.00	0.91
KIM	187.97	20.21	0.00	-0.06%	-9.82	-9.80	-9.53
PREMIA	33.12	13.47	0.00	0.68%	0.00	2.43	2.89

Nhận định: Các ETF giao dịch trái chiều. ETF Diamond, Finlead, SSVN30 tăng quy mô trong khi FTSE, E1, Fubon, MAVN30, Kim giảm quy mô. Khối ngoại chuyển dịch sang hướng bán ròng nhiều hơn tại các thị trường khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



Phụ lục: *Review ETFs VNM quý IV năm 2021*

Vaneck công bố danh mục điều chỉnh trong quý IV năm 2021 vào ngày 10/12 và giao dịch từ 13-17/12. Dựa vào số liệu tạm tính đến ngày 19/11/2011, chúng tôi dự báo thay đổi danh mục ETF VNM như sau:

- Thêm mới: 01 cổ phiếu VCG
 - Loại bỏ: Không loại bỏ
 - Danh mục dự kiến 47 cổ phiếu, trong đó gồm 15 cổ phiếu nước ngoài và 32 cổ phiếu trong nước. Chúng tôi dự báo danh mục cổ phiếu Việt Nam tăng từ 73.73% lên mức 75% trong kỳ này.
- Danh mục cổ phiếu Việt Nam dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	VIC	8.00%	753,762	180,330	
2	VHM	8.00%	3,478,903	980,143	
3	MSN	7.00%	-811,744	-124,901	
4	VNM	6.50%	-1,333,580	-351,284	
5	HPG	6.00%	3,710,830	1,753,367	
6	NVL	5.50%	1,971,379	437,484	
7	THD	4.20%	-2,599,088	-247,678	
8	VCB	3.80%	-2,954,203	-690,024	
9	SSI	3.20%	-1,131,706	-529,218	
10	VCI	1.80%	-905,808	-277,618	
11	DIG	1.80%	358,646	116,201	
12	PDR	1.70%	-1,935,789	-484,054	
13	GEX	1.60%	-705,346	-313,672	
14	VRE	1.50%	-1,156,896	-860,276	
15	DGC	1.20%	3,879,327	519,688	
16	SAB	1.10%	-888,300	-120,566	
17	VND	1.00%	-556,272	-168,217	
18	VCG	1.00%	5,888,399	2,753,585	Thêm mới
19	KBC	1.00%	-538,669	-244,340	
20	VJC	0.90%	-689,021	-122,277	
21	KDC	0.80%	-602,422	-231,575	
22	HSG	0.80%	-203,492	-123,072	
23	SBT	0.80%	-716,652	-628,769	
24	STB	0.70%	-722,560	-587,371	
25	DPM	0.70%	-657,592	-324,221	
26	SHS	0.70%	1,045,411	478,989	
27	POW	0.70%	-561,573	-913,008	
28	TCH	0.70%	618,124	546,552	
29	BVH	0.60%	-768,866	-285,399	
30	APH	0.60%	-550,137	-296,368	
31	PVS	0.60%	-516,529	-442,071	
32	HNG	0.50%	-488,445	-1,232,250	

Phụ lục: *ETFs FTSE quý IV năm 2021*

FTSE Russell công bố danh mục điều chỉnh trong quý IV năm 2021 vào ngày 3/12 và giao dịch 2 tuần từ 6-17/12. Dựa vào số liệu tạm tính đến ngày 19/11/2021, chúng tôi dự báo thay đổi danh mục FTSE VN như sau:

- Thêm mới: 6 cổ phiếu gồm DIG, VND, DGC, NLG, DPM, DXG (Lưu ý VHFF DXG ở ngưỡng quanh 1% danh mục, cổ phiếu không tham nếu dữ liệu tại thời điểm tính toán dưới ngưỡng này)
- Loại bỏ: Không loại bỏ nhưng lưu ý trường hợp cổ phiếu APH có VHFF sắp sỉ ngưỡng 0.5% danh mục, cổ phiếu có thể bị loại nếu dữ liệu tại thời điểm tính toán giảm dưới ngưỡng này)

Danh mục FTSE VN dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	VIC	13.20%	9,732,507	2,328,410	
2	HPG	12.80%	-4,738,158	-2,238,780	
3	VHM	10.70%	-13,343,266	-3,759,320	
4	MSN	9.50%	-3,921,525	-603,393	
5	VNM	6.60%	-7,295,892	-1,921,845	
6	NVL	6.40%	-1,959,213	-434,784	
7	VRE	4.10%	-1,810,271	-1,346,129	
8	SSI	3.80%	-3,175,380	-1,484,900	
9	VCB	3.50%	-1,321,418	-308,648	
10	VJC	2.50%	-1,080,562	-191,762	
11	GEX	2.40%	-1,046,265	-465,280	
12	PDR	2.10%	-3,056,356	-764,257	
13	DIG	2.10%	8,280,716	2,682,952	Thêm mới
14	STB	1.90%	-830,337	-674,984	
15	VND	1.90%	7,614,497	2,302,624	Thêm mới
16	KDH	1.80%	-237,384	-117,296	
17	DGC	1.70%	6,854,092	918,197	Thêm mới
18	KBC	1.70%	1,067,918	484,407	
19	PLX	1.50%	-238,425	-91,035	
20	VCI	1.50%	-596,049	-182,681	
21	NLG	1.30%	5,073,946	1,853,093	Thêm mới
22	HSG	1.10%	14,927	9,028	
23	DPM	1.10%	4,259,908	2,100,320	Thêm mới
24	SBT	1.00%	-79,203	-69,490	
25	TCH	0.90%	-410,335	-362,822	
26	DXG	0.90%	3,744,760	3,198,914	Thêm mới
27	POW	0.80%	-335,954	-546,196	
28	PVD	0.70%	-135,414	-107,761	
29	APH	0.50%	-1,031,861	-555,882	

Phụ lục: Tổng hợp thay đổi danh mục cả 2 quỹ ETFs VNM & FTSE

STT	MÃ	± GT FTSE	± GT VNM	± KL FTSE	± KL VNM	± Tổng KL
1	APH	-1,031,861	-550,137	-555,882	-296368	-852,250
2	BVH	-	-768,866	-	-285399	-285,399
3	DIG	8,280,716	358,646	2,682,952	116201	2,799,153
4	DGC	6,854,092	3,879,327	918,197	519688	1,437,885
5	DPM	4,259,908	-657,592	2,100,320	-324221	1,776,098
6	DXG	3,744,760	-	3,198,914	-	3,198,914
7	GEX	-1,046,265	-705,346	-465,280	-313672	-778,952
8	HPG	-4,738,158	3,710,830	-2,238,780	1753367	-485,412
9	HNG	-	-488,445	-	-1232250	-1,232,250
10	HSG	14,927	-203,492	9,028	-123072	-114,044
11	KBC	1,067,918	-538,669	484,407	-244340	240,067
12	KDC	-	-602,422	-	-231575	-231,575
13	KDH	-237,384	-	-117,296	-	-117,296
14	MSN	-3,921,525	-811,744	-603,393	-124901	-728,294
15	NLG	5,073,946	-	1,853,093	-	1,853,093
16	NVL	-1,959,213	1,971,379	-434,784	437484	2,700
17	PDR	-3,056,356	-1,935,789	-764,257	-484054	-1,248,311
18	PLX	-238,425	-	-91,035	-	-91,035
19	POW	-335,954	-561,573	-546,196	-913008	-1,459,205
20	PVD	-135,414	-	-107,761	-	-107,761
21	PVS	-	-516,529	-	-442071	-442,071
22	SAB	-	-888,300	-	-120566	-120,566
23	SBT	-79,203	-716,652	-69,490	-628769	-698,259
24	SHS	-	1,045,411	-	478989	478,989
25	SSI	-3,175,380	-1,131,706	-1,484,900	-529218	-2,014,118
26	STB	-830,337	-722,560	-674,984	-587371	-1,262,355
27	TCH	-410,335	618,124	-362,822	546552	183,729
28	THD	-	-2,599,088	-	-247678	-247,678
29	VCI	-596,049	-905,808	-182,681	-277618	-460,299
30	VCB	-1,321,418	-2,954,203	-308,648	-690024	-998,672
31	VCG	-	5,888,399	-	2753585	2,753,585
32	VHM	-13,343,266	3,478,903	-3,759,320	980143	-2,779,177
33	VIC	9,732,507	753,762	2,328,410	180330	2,508,740
34	VJC	-1,080,562	-689,021	-191,762	-122277	-314,039
35	VND	7,614,497	-556,272	2,302,624	-168217	2,134,407
36	VNM	-7,295,892	-1,333,580	-1,921,845	-351284	-2,273,129
37	VRE	-1,810,271	-1,156,896	-1,346,129	-860276	-2,206,405

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký